



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 7

Số 10 (31/7/2006)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>		
13-7-2006	- Nghị quyết số 38/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách các phường đông dân của quận 12 và quận Gò Vấp.	4
13-7-2006	- Nghị quyết số 39/2006/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006.	6
13-7-2006	- Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND phê chuẩn thành lập Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.	10
13-7-2006	- Nghị quyết số 41/2006/NQ-HĐND về miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	11
13-7-2006	- Nghị quyết số 42/2006/NQ-HĐND về chấp thuận cho thôi nhiệm vụ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Thiện Nhân - Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII.	12

- 13-7-2006 - Nghị quyết số 43/2006/NQ-HĐND về miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009. 13
- 13-7-2006 - Nghị quyết số 44/2006/NQ-HĐND về miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009. 14
- 13-7-2006 - Nghị quyết số 45/2006/NQ-HĐND về xác nhận kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009. 15
- 13-7-2006 - Nghị quyết số 46/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025. 16
- 13-7-2006 - Nghị quyết số 47/2006/NQ-HĐND về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của thành phố. 17
- 13-7-2006 - Nghị quyết số 48/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh. 18

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 11-7-2006 - Quyết định số 99/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. 20
- 13-7-2006 - Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước. 38

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**

- 07-7-2006 - Quyết định số 02/2006/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2. 48

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11**

- 06-7-2006 - Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐND Chương trình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006. 52
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005, tình hình thực hiện thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2006 và điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách quận năm 2006. 56
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐND về kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010. 60
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 04/2006/NQ-HĐND về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân quận 11 - Khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009. 62
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐND về việc cho thôi giữ chức vụ Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - Khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009. 63
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐND về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - Khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009. 64
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 07/2006/NQ-HĐND về việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 - Khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009. 65
- 06-7-2006 - Nghị quyết số 08/2006/NQ-HĐND về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 - Khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009. 66

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

- 07-7-2006 - Quyết định số 3010/2006/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 180/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân lâm thời quận Bình Tân. 67

**THÀNH PHỐ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách các phường đông dân  
của quận 12 và quận Gò Vấp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 6, Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4382/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách các phường đông dân của quận 12 và quận Gò Vấp; Báo cáo thẩm tra số 196/BC-PC ngày 7 tháng 7 năm 2006 của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận thông qua nội dung tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; đồng ý việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách các phường đông dân của quận 12 và quận Gò Vấp.

a) Điều chỉnh địa giới hành chính:

- Điều chỉnh địa giới hành chính giữa phường 12 - quận Gò Vấp và phường 15 - quận Tân Bình (quận Tân Bình giảm 0,74 ha - diện tích mới là 2.239,01 ha; quận Gò Vấp tăng thêm 0,74 ha - diện tích mới là 1.975,85 ha).

- Điều chỉnh địa giới hành chính các phường 11, 12, 17 - quận Gò Vấp và phường Đông Hưng Thuận - quận 12 để thành lập 5 phường mới.

b) Chia tách và thành lập các phường mới:

- Quận Gò Vấp trên cơ sở chia tách từ các phường 11, 12, 17 thành lập thêm 4 phường mới gồm:

+ Phường 6 có 164,75 ha diện tích tự nhiên và dân số là 22.428 nhân khẩu.

+ Phường 8 có 116,76 ha diện tích tự nhiên và dân số là 25.001 nhân khẩu.

+ Phường 9 có 83,84 ha diện tích tự nhiên và dân số là 22.872 nhân khẩu.

+ Phường 14 có 209,52 ha diện tích tự nhiên và dân số là 28.313 nhân khẩu.

(quận Gò Vấp sau khi thành lập thêm 4 phường mới có 16 phường, gồm: phường 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và 17).

- Quận 12 thành lập thêm 01 phường mới trên cơ sở chia tách phường Đông Hưng Thuận; về tên gọi phường mới thống nhất tên gọi phường Tân Hưng Thuận.

Phường Tân Hưng Thuận có 181,08 ha diện tích tự nhiên và dân số là 24.829 nhân khẩu.

(quận 12 sau khi thành lập thêm 01 phường mới có 11 phường gồm: Thạnh Xuân, Hiệp Thành, Thới An, Thạnh Lộc, Tân Chánh Hiệp, Tân Thới Hiệp, An Phú Đông, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Nhất, Đông Hưng Thuận và Tân Hưng Thuận).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn chỉnh thủ tục trình báo cáo Chính phủ xem xét và quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét nội dung các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan; Thông báo của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

Tán thành với báo cáo 6 tháng đầu năm và chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2006 của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố.

Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố và của các cơ quan hữu quan về tình hình kinh tế - xã hội của thành phố trong 6 tháng đầu năm, các giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2006.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:**

Tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển của thành phố như thiên tai, giá xăng dầu và một số nguyên vật liệu tăng, các dịch bệnh gia súc tái phát, nhưng với sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, các ban ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân nên kết quả thực hiện mục tiêu và các chỉ tiêu kế hoạch về kinh tế - xã hội đã đạt được khá, an ninh quốc phòng tiếp tục được giữ vững.

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng tương đương so cùng kỳ (10,5%) - kế hoạch tăng 12% trở lên;
2. Kim ngạch xuất khẩu (không tính dầu thô) tăng 11% (so với cùng kỳ tăng 18,9%) - kế hoạch tăng 17% trở lên;
3. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố đạt 23.046 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ (18,1%), đạt 37,17% kế hoạch (62.000 tỷ đồng);
4. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 31.136 tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ, đạt 47 % dự toán năm (67.254 tỷ đồng). Trong đó thu nội địa 16,180,8 tỷ đồng tăng 11,35% so với cùng kỳ, đạt 49,57% dự toán (35.954 tỷ đồng);
5. Tổng chi ngân sách địa phương 7.495 tỷ đồng, tăng 7,6% so cùng kỳ, đạt 52,9% dự toán (14.819,814 tỷ đồng);
6. Giải quyết việc làm cho 123.948 lao động, tăng 1,9% so cùng kỳ, đạt 53,9% kế hoạch năm (230.000 lao động), trong đó tạo việc làm mới cho 49.230 chỗ làm mới, đạt 49,23% kế hoạch năm - 90.000 lao động;
7. Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước thành phố đạt 85,5%, kế hoạch là 86,5%;
8. Số lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng đạt 148 triệu lượt hành khách, đạt 49,3% kế hoạch - 300 triệu lượt người.

Tăng trưởng kinh tế khá nhưng vẫn còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch, trong đó khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng cao (10,5%), chiếm tỷ trọng 50,3% GDP, trong khi đó tốc độ tăng trưởng công nghiệp lại tiếp tục giảm và thấp so cùng kỳ (10,8%/11,1%); môi trường đầu tư tuy có được cải thiện nhưng huy động vốn đầu tư đạt thấp, tiến độ các dự án xây dựng cơ bản bằng vốn ngân sách Nhà nước chậm. Giá trị sản xuất nông nghiệp bằng cùng kỳ năm 2005, trồng trọt, chăn nuôi tăng nhưng thủy sản giảm mạnh, nhìn chung nông dân vẫn còn khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố thực hiện chậm làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững thành phố.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đầu tư tốt hơn, nhất là công tác xã hội hóa ở khu vực văn hóa xã hội được quan tâm và phát triển khá tốt nhưng vẫn chưa phát huy thế mạnh và tiềm năng của thành phố. Công tác cải cách hành chính, chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm có tập trung chỉ đạo và đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên, tình hình tệ nạn xã hội, trật tự công cộng, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm vẫn còn

phức tạp; công tác quản lý Nhà nước, quản lý đô thị, công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch chậm, chưa đồng bộ, chưa tích cực khắc phục các dự án chậm triển khai. Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn nhiều bất cập. Công tác cải cách hành chính, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm chưa được đánh giá đầy đủ và đúng thực chất, kết quả còn rất hạn chế.

## **II. NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006:**

Ngoài nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố, trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, an ninh quốc phòng năm 2006. Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố tập trung chỉ đạo:

### **1. Về kinh tế - xã hội:**

1.1. Tích cực và khẩn trương hơn nữa trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế bằng các chính sách khuyến khích đầu tư, xúc tiến thương mại và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế, gia nhập WTO; có các giải pháp đòn bẩy thúc đẩy giá trị gia tăng trong lĩnh vực xây dựng.

1.2. Tăng cường các biện pháp có hiệu quả cho công tác quy hoạch, khắc phục tình trạng chậm, cản trở sự phát triển, đầu tư trên địa bàn thành phố.

1.3. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện công tác xã hội hóa lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao nhằm huy động được nhiều nguồn lực; khuyến khích mở rộng kinh doanh các ngành dịch vụ cao cấp và đáp ứng yêu cầu của nhân dân thành phố. Tăng cường quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa xã hội.

1.4. Hoàn thành công tác di dời các hộ dân trong các cơ sở trường học, bệnh viện, di dời các doanh nghiệp gây ô nhiễm trong khu dân cư. Đẩy nhanh việc thực hiện Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý mặt bằng, nhà, xưởng.

1.5. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức các hội nghị chuyên đề theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố: Chuyên đề về quy hoạch và quản lý quy hoạch, Chuyên đề quản lý và phát triển dịch vụ văn hóa, Chuyên đề bảo vệ môi trường.

1.6. Ủy ban nhân dân thành phố chuẩn bị “Quỹ tên đường thành phố” trình Hội đồng nhân dân thành phố trong thời gian sớm nhất để các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố thẩm tra và trình cho Hội đồng nhân dân thành phố.



1.7. Tiếp tục thực hiện “Năm Cải cách hành chính”, thực hiện tốt Luật Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Chú trọng việc nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức cán bộ công chức.

2. Về các tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Tờ trình số 4467/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của thành phố;

- Tờ trình số 4486/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 về đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh;

- Tờ trình số 4580/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2006 về nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

- Tờ trình số 4382/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2006 về việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách các phường đông dân của quận 12 và Gò Vấp;

- Tờ trình số 4559/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2006 về thành lập Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Có Nghị quyết riêng cho từng tờ trình.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc, kiến nghị chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên và các báo đài tuyên truyền, phổ biến động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2006) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn thành lập Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 3, Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ khoản 2, Điều 9, Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4559/UBND-VX ngày 05 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-PC ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội  
Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin thôi chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Thành Rum;

Căn cứ vào kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về việc miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với ông Nguyễn Thành Rum,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận cho ông Nguyễn Thành Rum được miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Thành Rum chịu trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chấp thuận cho thôi nhiệm vụ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Thiện Nhân - Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 1, Điều 17 và Điều 45 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin thôi nhiệm vụ Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Thiện Nhân - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII - ông Nguyễn Thiện Nhân xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận cho ông Nguyễn Thiện Nhân được thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, thuộc đơn vị bầu cử số 12, quận 11.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị bầu cử số 12 quận 11 và ông Nguyễn Thiện Nhân chịu trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 1, Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin thôi chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Thiện Nhân - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ vào kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về việc miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với ông Nguyễn Thiện Nhân,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận cho ông Nguyễn Thiện Nhân được miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**VỀ MIỄN NHIỆM CHỨC DANH CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NHIỆM KỲ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 1, Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin thôi chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của ông Lê Thanh Hải - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ vào kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với ông Lê Thanh Hải,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận cho ông Lê Thanh Hải được miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về xác nhận kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ khoản 1, Điều 17 và Điều 119 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu bầu chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Xác nhận kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với:

**Ông Lê Hoàng Quân**

(Biên bản kết quả bầu cử và danh sách trích ngang kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn tất thủ tục và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 4580/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí nội dung Tờ trình số 4580/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố ngày 05 tháng 7 năm 2006 về nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 để Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ sớm xem xét phê duyệt nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2006) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy  
tại cơ sở chữa bệnh của thành phố**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 4467/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận nội dung Tờ trình số 4467/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của thành phố.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện chế độ chính sách đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở chữa bệnh của thành phố từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

**Điều 3.** Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2006) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2006/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và  
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 7**

Căn Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 4486/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí nội dung Tờ trình số 4486/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh.

**A. Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020:**

1. Hội đồng nhân dân thành phố đồng ý với những nhận định về tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt kết quả khoảng 60% kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2001 - 2005.

2. Hội đồng nhân dân thành phố lưu ý những tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất vừa qua để có giải pháp khắc phục.

3. Về nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010, Hội đồng nhân dân thành phố đồng ý chọn Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tổng hợp nhu cầu chung của thành phố (theo định mức sử dụng đất) và nhu cầu của các quận - huyện được xây dựng trên cơ sở các định mức sử dụng đất.

**B. Về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của thành phố Hồ Chí Minh:**

Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị quan tâm thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp đã đề ra; hàng năm có kiểm tra đánh giá mặt được và chưa được trong quản lý và sử dụng đất, đáp ứng yêu cầu tốt nhất cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường hoạt động giám sát nhằm kịp thời kiến nghị chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 7 (từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2006) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Phương Thảo**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động  
của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW về bảo vệ môi trường  
trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước của Thành ủy tại Văn bản số 02-CTr/TU, ngày 03 tháng 01 năm 2006;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4666/TNMT-QLMT, ngày 30 tháng 5 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các sở, ngành, đoàn thể, các cơ quan đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nội dung về bảo vệ môi trường. Xử lý các vấn đề phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết. Định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố để thông qua báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các đoàn thể, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đua**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI  
CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA THÀNH ỦY  
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 41-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ  
(Kèm theo Quyết định số 99 /2006/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**

**I. MỤC TIÊU:**

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW; nhằm tập trung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành một thành phố sạch, xanh, phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường để phát triển thành phố toàn diện, bền vững. Trước mắt, phấn đấu đến năm 2010 thực hiện có hiệu quả việc xử lý ô nhiễm công nghiệp (di dời 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường 100% lượng nước thải các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các khu chế xuất - khu công nghiệp); xử lý chất thải rắn (xử lý 95% chất thải rắn thông thường, 100% chất thải rắn y tế, 70% chất thải rắn công nghiệp nguy hại), cải thiện chất lượng môi trường; giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng khu vực nội thành; phát triển diện tích cây xanh đô thị bình quân 6 - 7 m<sup>2</sup>/người.

**II. NỘI DUNG:**

Để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước tại Văn bản số 02-CTr/TU, ngày 03 tháng 01 năm 2006, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2006 - 2010 bao gồm 5 chương trình sau:

- Chương trình 1: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường.
- Chương trình 2: Kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- Chương trình 3: Tăng cường kiểm soát các nguồn ô nhiễm, phát triển mảng xanh và chống ngập úng đô thị.

- Chương trình 4: Thực hiện các biện pháp kinh tế, kỹ thuật.
- Chương trình 5: Hợp tác vùng và quốc tế về bảo vệ môi trường.

Các chương trình này gồm 58 chương trình nhánh sau:

## **CHƯƠNG TRÌNH I**

### **TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Nhiệm vụ 1: Phối hợp nâng cao nhận thức cộng đồng.**

Chương trình nhánh 1.1: Triển khai các hoạt động liên tịch phối hợp hành động bảo vệ môi trường với các tổ chức Mặt trận và Đoàn thể: Hội Phụ nữ, Thành đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp khoa học kỹ thuật, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân.

- Mục tiêu: Huy động đông đảo lực lượng của các tổ chức đoàn thể tham gia tích cực trong các hoạt động bảo vệ môi trường, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong hoạt động nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Hội Phụ nữ, Thành Đoàn, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp khoa học kỹ thuật, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân.

Chương trình nhánh 1.2: Tiếp tục triển khai và đẩy mạnh các phong trào, đợt vận động huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường với những chủ đề: “Nhà máy không ô nhiễm”, “Ngày Chủ nhật không xả rác”, “Công trường sạch”, “Đường phố không có rác”..., tiếp tục thực hiện các mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng.

- Mục tiêu: Thực hiện các hoạt động tuyên truyền trọng điểm với từng đối tượng cụ thể nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm của các đối tượng trong cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức Mặt trận, Đoàn thể.

Chương trình nhánh 1.3: Xây dựng tiêu chí bảo vệ môi trường đưa vào chỉ tiêu thi đua của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”.

- Mục tiêu: Lồng ghép, đẩy mạnh hoạt động môi trường trong chương trình Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Xây dựng thói quen sống thân thiện với môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Mặt trận Tổ quốc, Sở Văn hóa và Thông tin.

### **Nhiệm vụ 2: Thông tin môi trường.**

Chương trình nhánh 1.4: Xây dựng và hoạt động Nhà truyền thông môi trường tại Công viên văn hóa Đầm Sen, Khu du lịch Suối Tiên, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng.

- Mục tiêu: Tăng cường cung cấp thông tin cho cộng đồng phục vụ nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu về bảo vệ môi trường, đặc biệt chú trọng cho hoạt động tìm hiểu và tiếp cận thông tin môi trường cho học sinh tiểu học.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Công viên văn hóa Đầm Sen, Khu du lịch Suối Tiên, Ban Quản lý khu Nam, Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Du lịch.

Chương trình nhánh 1.5: Thực hiện các chương trình truyền hình, truyền thanh, phát sóng định kỳ nhiều lần trong ngày với các nội dung phong phú, hình thức đa dạng; nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường.

- Mục tiêu: Tăng cường thông tin về môi trường đến cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố.

Chương trình nhánh 1.6: Phát hành trang môi trường hàng tuần nhằm vừa thông tin môi trường; vừa thông tin các đơn vị gây ô nhiễm môi trường, tác hại đến môi trường; vừa nêu những hoạt động điển hình trong bảo vệ môi trường.

- Mục tiêu: Tuyên truyền đến người dân những thông tin về môi trường, các chính sách mới có liên quan công tác bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Báo Sài Gòn Giải Phóng, các phương tiện truyền thông khác.

Chương trình nhánh 1.7: In bộ Luật Môi trường và các văn bản pháp luật trong lĩnh vực môi trường cung cấp cho các quận - huyện và phường - xã.

- Mục tiêu: Tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền pháp luật, cập nhật kịp thời các thông tin pháp luật, các quy định trong lĩnh vực môi trường, phối hợp chặt chẽ và hiệu quả cũng như hỗ trợ quận - huyện, phường - xã trong công tác bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.



- Cơ quan phối hợp: Sở Văn hóa và Thông tin

Chương trình nhánh 1.8: Lập thư viện điện tử phục vụ việc truy cập và giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

- Mục tiêu: Thiết lập một trang web phục vụ cho công tác quản lý môi trường và giám sát việc tuân thủ các quy định và luật lệ về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; tăng cường khả năng giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước và cộng đồng

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

## **CHƯƠNG TRÌNH II TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Nhiệm vụ 1: Kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.**

Chương trình nhánh 2.1: Xây dựng, kiện toàn tổ chức của các đơn vị quản lý và sự nghiệp về môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Mục tiêu: Kiện toàn tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

Chương trình nhánh 2.2: Kiện toàn tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận - huyện và cán bộ chuyên trách về môi trường cấp phường - xã, thị trấn.

- Mục tiêu: Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường ở địa phương; phát triển nguồn nhân lực ngành.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

**Nhiệm vụ 2: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.**

Chương trình nhánh 2.3: Tổ chức thường xuyên các khóa tập huấn ngắn hạn và dài hạn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường cấp thành phố, quận - huyện và phường - xã, thị trấn.

- Mục tiêu: Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức ngành tài nguyên và môi trường tại quận huyện và phường - xã, thị trấn; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ.

**Chương trình nhánh 2.4:** Tổ chức các đợt tập huấn, học tập kinh nghiệm về quản lý và bảo vệ môi trường tại nước ngoài cho các cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường và Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

- Mục tiêu: Xây dựng và tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện thông qua đào tạo và học tập kinh nghiệm quản lý của nước ngoài.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ.

### **Nhiệm vụ 3: Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật.**

**Chương trình nhánh 2.5:** Xây dựng trụ sở làm việc và cơ sở vật chất (Phòng thí nghiệm, Trạm quan trắc, Trung tâm dữ liệu môi trường, Chi cục bảo vệ môi trường ...).

- Mục tiêu: Xây dựng trụ sở làm việc và cơ sở vật chất của các cơ quan sự nghiệp về môi trường tại Khu đô thị Nam thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài chính.

**Chương trình nhánh 2.6:** Hoàn thiện mạng quan trắc chất lượng không khí, trang bị 05 trạm quan trắc không khí tự động cố định và 01 trạm quan trắc không khí tự động di động.

- Mục tiêu: Trang bị bổ sung các thiết bị cho các trạm quan trắc hiện hữu; hoàn thiện mạng quan trắc không khí tự động bằng việc trang bị 05 trạm mới phân bố theo hướng Đông Nam - Tây Bắc; trang bị Trạm quan trắc không khí tự động di động phục vụ công tác triển khai nhanh công tác đo đạc khi có sự cố về môi trường, giúp đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời, cho kết quả nhanh chóng, chính xác.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan khoa học.

**Chương trình nhánh 2.7:** Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai - Khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu: Quan trắc và đánh giá diễn biến chất lượng nước mặt hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai - Khu vực thành phố Hồ Chí Minh; dự báo và cảnh báo chất lượng nước.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan khoa học.

Chương trình nhánh 2.8: Mở rộng mạng quan trắc nước dưới đất.

- Mục tiêu: Hoàn thiện mạng quan trắc chất lượng nước dưới đất hiện có; mở rộng mạng quan trắc chất lượng nước dưới đất; xây dựng cơ sở dữ liệu, mô hình quản lý chất lượng nước dưới đất.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan khoa học.

Chương trình nhánh 2.9: Tăng cường phương tiện đo đạc, phân tích môi trường phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra môi trường của các cơ quan quản lý cấp thành phố và quận - huyện.

- Mục tiêu: Tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát, thanh tra môi trường cho cán bộ quản lý môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan khoa học.

### **CHƯƠNG TRÌNH III**

#### **TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CÁC NGUỒN Ô NHIỄM, PHÁT TRIỂN MĂNG XANH VÀ CHỐNG NGẬP ÚNG ĐÔ THỊ**

**Nhiệm vụ 1: Kiểm soát các nguồn ô nhiễm.**

***a) Kiểm soát ô nhiễm công nghiệp:***

Chương trình nhánh 3.1: Kiểm tra, giám sát ô nhiễm công nghiệp.

- Mục tiêu: Giảm thiểu và xử lý ô nhiễm công nghiệp; xử lý xong các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn thành phố; kiên quyết không cho phép xây dựng các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và có nguy cơ gây sự cố môi trường; buộc các cơ sở đầu tư mới phải có đăng ký môi trường và phải thực hiện đúng yêu cầu đăng ký; xử lý nước thải các khu công nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ban Chỉ đạo di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường của thành phố và quận - huyện, Sở Công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.2: Điều tra dữ liệu về ô nhiễm công nghiệp.

- Mục tiêu: Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về ô nhiễm công nghiệp một cách hệ thống, đầy đủ nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường. Cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác lập bản đồ ô nhiễm, quản lý ô nhiễm công nghiệp trên bản đồ thông tin địa lý.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.3: Phân hạn doanh nghiệp theo tiêu chí bảo vệ môi trường.

- Mục tiêu: Thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương trình nhánh 3.4: Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm sản xuất sạch hơn; đẩy mạnh chương trình sản xuất sạch hơn của thành phố.

- Mục tiêu: Đẩy mạnh vai trò Trung tâm sản xuất sạch hơn; trang bị thiết bị kiểm toán năng lượng, hỗ trợ thực hiện sản xuất sạch hơn cho 10 cơ sở thuộc ngành ô nhiễm trọng điểm.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình nhánh 3.5: Nghiên cứu và triển khai thực hiện chứng từ quản lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại.

- Mục tiêu: Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.6: Quy hoạch, thiết kế, lập dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.

- Mục tiêu: Xác định khối lượng, thành phần, công nghệ và lập dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương trình nhánh 3.7: Lập đề án quản lý, giám sát chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.

- Mục tiêu: Hình thành các chương trình giám sát liên tục và lâu dài về chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp; xây dựng ngân hàng dữ liệu; tăng cường công tác tái sinh, tái chế.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

***b) Kiểm soát ô nhiễm kênh rạch:***

Chương trình nhánh 3.8: Nạo vét rác bồi lấp gây ô nhiễm môi trường kênh rạch tại một số khu vực trên địa bàn thành phố.

- Mục tiêu: Cải thiện tình hình ô nhiễm môi trường kênh rạch tại một số khu vực.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông - Công chính.

Chương trình nhánh 3.9: Đầu tư 03 tàu vớt rác trên sông, kênh, rạch đoạn từ cầu Bình Phước đến cảng Tân Thuận.

- Mục tiêu: đáp ứng được các yêu cầu vớt rác trên tuyến sông Sài Gòn từ cầu Bình Phước đến cảng Tân Thuận, đảm bảo thu vớt hầu hết rác trôi nổi trên sông, kênh, rạch quanh khu vực trung tâm Sài Gòn hiện nay (kể cả một phần rác tụ tập ở các chân cầu, bãi nổi...) và tiến tới giảm dần đến hết hẳn việc xả rác xuống sông, kênh rạch, góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm, làm sạch kênh rạch và trả lại vẻ đẹp cảnh quan cho sông, kênh rạch.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

***c) Kiểm soát nước thải y tế:***

Chương trình nhánh 3.10: Hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế cho tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc thành phố và quận - huyện.

- Mục tiêu:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Y tế.

***d) Kiểm soát nguồn nước dưới đất:***

Chương trình nhánh 3.11: Quy hoạch tổng thể quản lý tài nguyên nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 có định hướng đến 2020.

- Mục tiêu: Quy hoạch quản lý tài nguyên nước.
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan khoa học.

Chương trình nhánh 3.12: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động khai thác nước dưới đất tại thành phố Hồ Chí Minh. Mở rộng mạng quan trắc nước dưới đất.

- Mục tiêu: Tăng cường công cụ kỹ thuật cho quản lý nguồn nước.
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.13: Bổ sung, hoàn thiện, xây dựng các văn bản quản lý tài nguyên nước; nâng cấp cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên nước.

- Mục tiêu: Hoàn thiện các văn bản quản lý và nâng cấp phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các cơ quan khoa học.

***e) Kiểm soát ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông:***

Chương trình nhánh 3.14: Triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung các giải pháp: giảm bớt kẹt xe, phát triển hệ thống giao thông công cộng, cải thiện chất lượng nhiên liệu, trang bị xe phun nước và quét đường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giao thông - Công chính.

Chương trình nhánh 3.15: Điều tra ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông trên địa bàn thành phố.

- Mục tiêu: Xây dựng cơ sở dữ liệu về ô nhiễm do nguồn thải giao thông một cách có hệ thống nhằm phục vụ công tác quản lý; lập bản đồ ô nhiễm nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm do giao thông; dự báo sự phân bố nồng độ các chất ô nhiễm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông - Công chính.

***f) Kiểm soát chất lượng vệ sinh đô thị:***

Chương trình nhánh 3.16: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị.

- Mục tiêu: Xây dựng ngân hàng dữ liệu về khối lượng và thành phần chất thải rắn đô thị của thành phố và quận - huyện.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.17: Đầu tư hỗ trợ lực lượng rác dân lập cho 24 quận - huyện.

- Mục tiêu: Tổ chức lại hệ thống quản lý lực lượng thu gom rác dân lập; xây dựng các chính sách khuyến khích.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.18: Đầu tư trạm trung chuyển cho 24 quận-huyện.

- Mục tiêu: Quy hoạch và xây dựng cho mỗi quận huyện ít nhất 01 bãi rác kín hợp vệ sinh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương trình nhánh 3.19: Lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án xây dựng hạ tầng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, Đa Phước và Thủ Thừa - Long An.

- Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu liên hợp xử lý chất thải rắn; kêu gọi đầu tư để tái chế, tái sinh và xử lý rác.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Chương trình nhánh 3.20: Đầu tư Trạm xử lý nước rỉ rác Phước Hiệp, công suất 800 m<sup>3</sup>/ngày.

- Mục tiêu: Phục vụ xử lý nước rỉ rác tồn đọng và phát sinh của bãi số 1 và một phần bãi số 2.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương trình nhánh 3.21: Đầu tư Trạm trung chuyển rác Xí nghiệp vận chuyển 2, công suất 1.000 tấn/ngày.

- Mục tiêu: Xây dựng trạm trung chuyển hoạt động khép kín, đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu vực xung quanh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương trình nhánh 3.22: Đầu tư Trạm phân loại rác thứ cấp, công suất 300 tấn/ngày.

- Mục tiêu: Hỗ trợ quan trọng cho sự thành công của Dự án phân loại rác từ nguồn; giảm lượng chất thải đi vào bãi chôn lấp, thu hồi phần lớn các phế liệu tái sinh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chương trình nhánh 3.23: Đầu tư thiết bị vận chuyển rác (10 xe ép rác lớn, 10 xe thu gom xà bần).

- Mục tiêu: Nghiên cứu chính sách để xã hội hóa nhằm thay thế cho xe quá niên hạn sử dụng; thay đổi công nghệ.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

## **Nhiệm vụ 2: Phát triển mảng xanh và chống ngập úng đô thị.**

Chương trình nhánh 3.24: Xã hội hóa và nâng cao năng lực quản lý mảng xanh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giao thông - Công chính.

Chương trình nhánh 3.25: Chống ngập úng đô thị.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giao thông - Công chính.

- Cơ quan phối hợp: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Kinh tế.

## **CHƯƠNG TRÌNH IV THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP KINH TẾ KỸ THUẬT**

### **Nhiệm vụ 1: Các biện pháp kinh tế.**

Chương trình nhánh 4.1: Thành lập Quỹ tái chế chất thải.



- Mục tiêu: hỗ trợ tài chính cho các đơn vị tái chế chất thải.
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình nhánh 4.2: Xây dựng và áp dụng nhãn sinh thái; công bố Sách Xanh hàng năm.

- Mục tiêu: Xây dựng và áp dụng nhãn sinh thái nhằm mục tiêu cấp chứng nhận cho các sản phẩm của thành phố đạt được các tiêu chuẩn về môi trường, cung cấp cho người tiêu dùng thông tin về chất lượng môi trường có liên quan của những sản phẩm này, qua đó khuyến khích việc đưa vào sử dụng các sản phẩm có nhãn sinh thái đồng thời đẩy mạnh việc sản xuất, cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao về môi trường. Sách Xanh được công bố hàng năm nhằm tuyên dương các doanh nghiệp điển hình trong công tác bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình nhánh 4.3: Xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn.

- Mục tiêu: Xây dựng quy chế xã hội hóa dịch vụ xử lý chất thải rắn đô thị, tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy và kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình thu gom, vận chuyển, tái chế xử lý rác, xử lý nước rỉ rác đối với mọi thành phần kinh tế; triển khai thí điểm phân loại chất thải rắn tại nguồn tại 6 quận - huyện (1, 4, 5, 6, 10 và Củ Chi); nhân rộng mô hình thí điểm phân loại chất thải rắn tại nguồn, xã hội hóa quản lý chất thải rắn đô thị trên phạm vi toàn thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương trình nhánh 4.4: Đẩy mạnh việc thu phí nước thải công nghiệp, tập trung đối với các ngành nghề sản xuất có tải lượng ô nhiễm cao.

- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tham gia nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; tuân thủ nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tăng thêm nguồn tài chính cho chiến lược Bảo vệ môi trường của thành phố cũng như của cả nước.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp.

Chương trình nhánh 4.5: Nghiên cứu việc thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại chất thải khác (khí thải, rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế, nguy hại từ các hộ gia đình và tổ chức).

- Mục tiêu: Tuân thủ nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” nhằm giảm thiểu ô nhiễm và tăng thêm nguồn tài chính cho chiến lược Bảo vệ môi trường của thành phố.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

## **Nhiệm vụ 2: Đẩy mạnh hoạt động khoa học kỹ thuật công nghệ.**

Chương trình nhánh 4.6: Nghiên cứu mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Mục tiêu: Giới thiệu mô hình thích hợp nhằm tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương trình nhánh 4.7: Nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiên tiến trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái môi trường.

- Mục tiêu: Nghiên cứu, đánh giá, chọn lựa các giải pháp công nghệ tiên tiến trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên năng lượng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương trình nhánh 4.8: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sạch.

Mục tiêu: Nghiên cứu, phổ biến các giải pháp công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương trình nhánh 4.9: Nghiên cứu lún mặt đất và động đất.

- Mục tiêu: Nghiên cứu Đề án quan trắc lún mặt đất và Đề án phân vùng nhỏ động đất thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **CHƯƠNG TRÌNH V**

### **HỢP TÁC VÙNG VÀ QUỐC TẾ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Nhiệm vụ 1: Hợp tác khu vực về bảo vệ môi trường**

Chương trình nhánh 5.1: Phối hợp với 11 tỉnh (Đắc Nông, Đắc Lắc, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu) thực hiện các nhiệm vụ của Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai.

- Mục tiêu: Phối hợp có hiệu quả với các tỉnh để khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước trên hệ thống sông Đồng Nai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Chương trình nhánh 5.2: Điều chỉnh chiến lược quản lý môi trường thành phố.

- Mục tiêu: Rà soát, điều chỉnh bổ sung mục tiêu, nội dung phù hợp với các chủ trương mới của Đảng và Chính phủ; xây dựng chương trình hành động; đề xuất tổ chức điều phối triển khai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương trình nhánh 5.3: Quy hoạch tổng thể môi trường gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 định hướng đến 2020.

- Mục tiêu: Nghiên cứu Quy hoạch tổng thể môi trường gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

#### **Nhiệm vụ 2: Hợp tác song phương, đa phương trong việc kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường.**

Chương trình nhánh 5.4: Phối hợp kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm công nghiệp, đặc biệt đối với các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất trong địa bàn lân cận các tỉnh.

- Mục tiêu: Hạn chế và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường trong khu vực; tăng cường hiệu lực pháp luật đối với việc thực thi các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp.

Chương trình nhánh 5.5: Phối hợp trao đổi thông tin, ứng phó sự cố tràn dầu; chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường thông qua báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường.

- Mục tiêu: Quản lý thông tin về năng lực ứng cứu sự cố tràn dầu tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành trong khu vực; trao đổi thông tin liên lạc giữa các cơ quan chức năng thường xuyên về kiểm soát sự cố tràn dầu bao gồm phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục sự cố; tăng cường đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm để nâng cao năng lực và sự phối hợp ứng phó sự cố môi trường. Trao đổi thông tin dữ liệu môi trường thông qua báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông - Công chính.

Chương trình nhánh 5.6: Phối hợp với các tỉnh thành trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải nguy hại của khu vực.

- Mục tiêu: xử lý toàn bộ chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại trong khu vực.
- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Chương trình nhánh 5.7: Xúc tiến tiến độ thực hiện các dự án tài trợ quốc tế, dự án vay ODA trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Mục tiêu: Xúc tiến tiến độ thực hiện các dự án: Dự án cải thiện môi trường nước, Dự án vệ sinh môi trường nước kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Dự án cải thiện môi trường, Dự án cải thiện kênh Tân Hóa - Lò Gốm, Dự án nâng cấp đô thị.

- Cơ quan chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, Ban Quản lý các dự án.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Thành ủy và Kế hoạch triển khai của Ủy ban nhân dân thành phố. Phân công cụ thể như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, định kỳ báo

cáo hàng năm. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng đề cương chi tiết, lộ trình tổ chức thực hiện.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư thực hiện các chương trình.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan cân đối ngân sách để đảm bảo nguồn chi ngân sách để thực hiện các chương trình.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao nhiệm vụ là cơ quan chủ trì thực hiện có trách nhiệm xây dựng nội dung đề cương chi tiết, lộ trình và tổ chức thực hiện các chương trình.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao nhiệm vụ là cơ quan phối hợp thực hiện có trách nhiệm phối hợp thực hiện có hiệu quả các chương trình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đua**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế  
và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1331/LS/STC-SNV ngày 28 tháng 02 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Về đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách thành phố cấp.

b) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, sử dụng kinh phí quản lý hành chính do ngân sách quận - huyện cấp.

c) Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn: Gồm cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn và cán bộ không chuyên trách (không bao gồm cán bộ không chuyên

trách áp, khu phố, tổ dân phố và tổ nhân dân) theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Quyết định số 339/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Về định mức kinh phí giao quyền thực hiện chế độ tự chủ:

Áp dụng định mức khoán kinh phí quản lý Nhà nước đối với sở - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại Quyết định số 246/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005.

**Điều 2.** Về biên chế thực hiện chế độ tự chủ bao gồm biên chế hành chính, biên chế dự bị (nếu có) được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao trong chỉ tiêu biên chế hàng năm (chỉ tiêu này bao gồm cả hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp).

**Điều 3.** Về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Do ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán hàng năm và được cơ quan thẩm quyền duyệt cấp, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán đã được Ủy ban nhân dân thành phố (hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện) giao hàng năm.

b) Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.

c) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Nội dung chi, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước và Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

3. Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ, bao gồm:

a) Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón khách nước ngoài vào Việt Nam công tác (đoàn ra, đoàn vào).

b) Chi sửa chữa lớn và mua sắm tài sản cố định mà kinh phí thường xuyên không đáp ứng được.

c) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế, vốn đối ứng các dự án (nếu có).

d) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp thẩm quyền giao.

- e) Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- g) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.
- h) Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức.
- i) Kinh phí nghiên cứu khoa học.
- k) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án được duyệt.
- l) Các chế độ ưu đãi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

**Điều 4.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính hoặc chuyển từ chế độ khoán định biên và kinh phí hoạt động sang chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với phường - xã, thị trấn.

**Điều 5.** Thời gian áp dụng chế độ tự chủ từ ngày 01 tháng 01 năm 2006. Giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ hướng dẫn việc chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính hoặc chuyển từ chế độ khoán định biên và kinh phí hoạt động sang chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước và phường - xã, thị trấn.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với đơn vị về cho phép thực hiện mở rộng khoán định biên và kinh phí hoạt động đối với phường - xã, thị trấn (danh mục kèm theo).

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Hải**



**DANH MỤC CÁC QUYẾT ĐỊNH BÃI BỎ***(Kèm theo Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND**ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

1. Quyết định số 74/2002/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Công nghiệp.

2. Quyết định số 348/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Công nghiệp.

3. Quyết định số 158/2003/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quyết định số 347/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Quyết định số 205/2003/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Thương mại.

6. Quyết định số 342/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Thương mại.

7. Quyết định số 206/2003/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Thanh tra thành phố.

8. Quyết định số 346/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Thanh tra thành phố.

9. Quyết định số 219/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài.

10. Quyết định số 153/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Ủy ban Người Việt Nam ở nước ngoài.

11. Quyết định số 222/2003/QĐ-UB ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Ban Tổ chức Chính quyền thành phố (nay là Sở Nội vụ).

12. Quyết định số 343/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Nội vụ.

13. Quyết định số 241/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Tư pháp.

14. Quyết định số 345/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Tư pháp.

15. Quyết định số 320/2003/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Tài chính.

16. Quyết định số 234/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Du lịch.

17. Quyết định số 152/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Du lịch.

18. Quyết định số 458/QĐ-UB ngày 09 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Khoa học và Công nghệ.

19. Quyết định số 99/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư.

20. Quyết định số 149/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

21. Quyết định số 100/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

22. Quyết định số 151/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

23. Quyết định số 158/2004/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với Sở Văn hóa và Thông tin.

24. Quyết định số 344/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế quản lý hành chính của Sở Văn hóa và Thông tin.

25. Quyết định số 202/2004/QĐ-UB ngày 19 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng khu đô thị mới Nam thành phố.

26. Quyết định số 214/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Giao thông Công chánh.

27. Quyết định số 151/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính của Sở Giao thông Công chánh.

28. Quyết định số 154/2005/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

29. Quyết định số 122/2005/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Sở Y tế.

30. Quyết định số 172/2005/QĐ-UB ngày 19 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố.

31. Quyết định số 193/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 1.

32. Quyết định số 214/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 2.

33. Quyết định số 151/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 3.

34. Quyết định số 152/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 4.

35. Quyết định số 191/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 5.

36. Quyết định số 153/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 6.

37. Quyết định số 154/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 7.

38. Quyết định số 190/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 8.

39. Quyết định số 194/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 9.

40. Quyết định số 155/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 10.

41. Quyết định số 217/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 11.

42. Quyết định số 202/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 12.

43. Quyết định số 215/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

44. Quyết định số 192/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

45. Quyết định số 197/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban

nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

46. Quyết định số 203/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

47. Quyết định số 233/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

48. Quyết định số 196/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

49. Quyết định số 156/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

50. Quyết định số 216/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

51. Quyết định số 195/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

52. Quyết định số 182/2004/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

53. Quyết định số 201/2004/QĐ-UB ngày 19 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

54. Quyết định số 212/2004/QĐ-UB ngày 14 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao định mức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

55. Quyết định số 157/2005/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho phép thực hiện mở rộng khoán định biên và kinh phí hoạt động đối với phường - xã, thị trấn.

56. Quyết định số 290/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 2.

57. Quyết định số 291/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.

58. Quyết định số 292/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 12.

59. Quyết định số 293/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 6.

60. Quyết định số 294/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 3.

61. Quyết định số 295/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 1.

62. Quyết định số 296/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 4.

63. Quyết định số 297/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 10.

64. Quyết định số 298/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 9.

65. Quyết định số 299/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 8.

67. Quyết định số 300/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 7.

68. Quyết định số 301/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 5.

69. Quyết định số 302/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

70. Quyết định số 303/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

71. Quyết định số 304/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận 11.

72. Quyết định số 305/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

73. Quyết định số 306/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

74. Quyết định số 307/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

75. Quyết định số 308/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

76. Quyết định số 309/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

77. Quyết định số 310/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức khoán biên chế và quản lý hành chính cho Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**QUẬN 2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/QĐ-UBND

*Quận 2, ngày 07 tháng 7 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc kiện toàn Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-UB ngày 05 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cho phép Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập tổ chức chuyên trách về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thủ tục kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét Tờ trình số 144/TTr-BBT ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2 và của Trưởng Phòng Nội vụ quận,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay kiện toàn Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 2; là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

**Điều 2.** Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2 có nhiệm vụ như sau:

1. Hướng dẫn thủ tục kê khai và lập hồ sơ phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi có quyết định thu hồi đất hoặc khi có yêu cầu của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án trên địa bàn quận 2 (sau đây gọi tắt là Hội đồng bồi thường). Kiểm tra, kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất (người có trách nhiệm bồi thường). Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất phải thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường khác. Xác định mức bồi thường, trợ cấp, hỗ trợ cho từng đối tượng. Lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ bồi thường và hồ sơ hỗ trợ thiệt hại của dự án.

2. Giúp Ủy ban nhân dân quận và Hội đồng Bồi thường tổng hợp lập phương án bồi thường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách giúp Ủy ban nhân dân quận và Hội đồng Bồi thường thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và bố trí tái định cư; đảm bảo theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ và Quyết định số 106/2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố; đảm bảo tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đảm bảo sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với các quy định của pháp luật và lợi ích của các bên tham gia (Nhà nước, người trong diện giải tỏa và chủ đầu tư).

3. Tổ chức công tác tiếp dân, giải quyết các yêu cầu, kiến nghị, thắc mắc của các tổ chức, công dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kịp thời báo cáo, giải trình các vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền và đề xuất trình Hội đồng Bồi thường, Ủy ban nhân dân quận giải quyết.

4. Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc bố trí tái định cư; chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện tốt nhất cho các hộ di dời sớm ổn định chỗ ở và cuộc sống nơi mới, nhất là việc học tập, hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi ngành nghề và giải quyết việc làm cho các đối tượng có yêu cầu, các thủ tục chuyển đổi nơi ở, chuyển trường học.

5. Giúp Ủy ban nhân dân thực hiện quy định về thủ tục kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố;

6. Thực hiện cải cách hành chính, quy chế dân chủ cơ sở gắn liền với công tác dân vận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thực hiện nghiêm yết công khai cho nhân dân biết về các quy định liên quan đến quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

7. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân quận giao có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

**Điều 3.** Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2 có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ thực hiện củng cố, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tại Công văn số 1359/CV-SNV ngày 08 tháng 11 năm 2005 và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2. Phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ rà soát xây dựng lại Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan mình phù hợp với các quy định và đặc điểm tình hình ở lĩnh vực phụ trách theo nội dung Quy chế (mẫu) của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 27/2003/QĐ-UB ngày 05 tháng 3 năm 2003 và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành.

3. Tổ chức điều hành và quản lý tổ chức bộ máy theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2 sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4155/QĐ-UB-TC ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân quận 2 về việc thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 2, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hà Phước Tài**

**QUẬN 11****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN 11****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Chương trình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết kỳ họp thứ 8 (số 07/2005/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2005) của Hội đồng nhân dân quận - khóa IX về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006.

Trên cơ sở xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân quận, các báo cáo của Ủy ban nhân dân quận, báo cáo thẩm định của hai Ban Hội đồng nhân dân (Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế), phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc về tham gia xây dựng chính quyền và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận;

**QUYẾT NGHỊ:**

Nhất trí báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và báo cáo của các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ, các chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số nội dung sau đây:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2006:**

Trong 6 tháng đầu năm 2006, tuy có những khó khăn nhất định bởi sự biến động tăng giá vàng, xăng dầu và một số mặt hàng thiết yếu... nhưng với sự nỗ lực của các ngành, các cấp và các đơn vị, nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn vẫn tiếp tục phát triển ổn định và có chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực, hầu hết các

chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận đề ra đều đạt và hoàn thành như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 6,2% so với cùng kỳ (kế hoạch tăng 7%). Doanh thu thương mại - dịch vụ tăng 30,42% (kế hoạch tăng 27%).

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 49,7% dự toán (128,5/258,31 tỷ đồng) tăng 13,3% so cùng kỳ (128,5/96,23 tỷ đồng).

Các công trình trọng điểm: chung cư 14 A Lạc Long Quân, khu B - khu nhà ở Phú Thọ, Trung tâm Văn hóa,... được tập trung thi công, đồng thời tích cực chuẩn bị khởi công các công trình chung cư khu A - khu nhà ở Phú Thọ, Trung tâm Y tế, Hội trường Công an Quận, Trường Tiểu học Phùng Hưng... Đã tổ chức triển khai cho các ban ngành quận, Đảng ủy và nhân dân phường 3 về thực hiện chủ trương điều chỉnh quy hoạch khu vực 5,8 ha Công viên Văn hóa Đàm Sen. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đang tổ chức điều tra thu thập số liệu, lập phương án đền bù cho các hộ dân.

Công tác quy hoạch được tập trung thực hiện: đã hoàn chỉnh danh mục kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010. Tiếp tục thực hiện các thủ tục trình duyệt các đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2.000 cụm phường 2 - 16, 1 - 3 - 10, 5 - 14, 4 - 6 - 7 - 15, 9 - 11. Tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, quy hoạch mạng lưới trường lớp đến năm 2010.

Đã tiếp nhận 4 mặt bằng của các doanh nghiệp thành phố quản lý (135 Lạc Long Quân - phường 1, 343D Lạc Long Quân - phường 5 và 02 mặt bằng trong cụm kho 341 Hàn Hải Nguyên - phường 1), chuẩn bị các thủ tục đầu tư các công trình trường học tại các mặt bằng này.

Lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực:

- Giới thiệu và giải quyết việc làm cho 5.168/10.000 lao động, đạt 51,68% kế hoạch.

- Các chỉ tiêu về thực hiện 5 biện pháp kế hoạch hóa gia đình đều đạt trên 40% chỉ tiêu kế hoạch năm,

- Tính đến nay đã có 39.585 hộ (đạt 100%) đăng ký xây dựng gia đình văn hóa năm 2006, có thêm phường 1, 10 đăng ký xây dựng phường văn hóa nâng tổng số phường đăng ký lên 6/16 phường, 104/234 đơn vị (đạt 46%) đăng ký xây dựng Đơn vị văn hóa, công sở văn minh sạch đẹp, có 46/61 khu phố (đạt 75,4%) đăng ký xây dựng khu phố văn hóa, 13 điểm đăng ký xây dựng điểm sáng văn hóa (tăng 1 điểm so với cuối năm 2005).

- Tuyên nghĩa vụ quân sự đạt 100% chỉ tiêu (220/220 thanh niên).

- Phạm pháp hình sự: xảy ra 93 vụ giảm 25 vụ (21,19%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó đã khám phá 72 vụ đạt 77,42% (chỉ tiêu đề ra từ 60 - 65%).

Kết quả thực hiện nêu trên cho thấy nhiệm vụ kinh tế - xã hội của quận 6 tháng đầu năm 2006 hoàn thành khá toàn diện, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ vượt mức kế hoạch đề ra, nổi bật là: kinh tế tiếp tục tăng trưởng và chuyển dịch theo đúng định hướng; công tác thu chi ngân sách có tiến bộ đảm bảo được các yêu cầu chỉ tiêu thường xuyên; các công trình trọng điểm được tập trung thực hiện; nhiều chỉ tiêu lĩnh

vực văn hóa - xã hội hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Tuy nhiên tình hình kinh tế - xã hội quận cũng còn một số khó khăn, yếu kém: tiến độ thực hiện một số công trình trọng điểm còn chậm so với yêu cầu; tình trạng úng ngập vào mùa mưa vẫn còn xảy ra khá trầm trọng ở một số khu vực dân cư; trật tự đô thị và trật tự an toàn xã hội có chuyển biến nhưng chưa vững chắc, số vụ tai nạn giao thông còn cao; công tác phổ cập giáo dục bậc trung học còn nhiều khó khăn; công tác cải cách hành chính trên một số mặt còn hạn chế.

## **II. Nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006:**

1. Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 mà Nghị quyết kỳ họp lần thứ 8 của Hội đồng nhân dân quận - khóa IX đã xác định.

2. Hoàn chỉnh và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển thương mại - dịch vụ - sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn quận đến năm 2010. Trong đó tập trung đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chợ; hoàn thành cơ bản việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra các khu công nghiệp và vùng phụ cận theo chỉ đạo của thành phố.

3. Tập trung đẩy mạnh công tác thu thuế, hạn chế tối đa thuế tồn đọng. Tăng cường công tác quản lý đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các nguồn thu thuế, phân đấu hoàn thành dự toán thu 2006.

4. Tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình phát triển và quản lý đô thị, trong đó tập trung thực hiện: hoàn tất điều chỉnh quy hoạch chi tiết và các tuyến đường dự phóng trên địa bàn quận; quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, quản lý trật tự đô thị. Thực hiện đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ các công trình trọng điểm. Tiếp tục thực hiện kế hoạch điều chỉnh quy hoạch khu vực 5,8 ha và tuyến đường vành đai Công viên Văn hóa Đàm Sen. Tổ chức công khai các dự án đầu tư để dân biết - dân bàn - dân làm - dân kiểm tra, giám sát chặt chẽ các công trình xây dựng cơ bản tại địa phương.

5. Đẩy mạnh thực hiện chương trình phổ cập giáo dục bậc trung học, công tác tuyển sinh vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi và chương trình xóa đói giảm nghèo.

6. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đi đôi với quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, không lành mạnh; phối hợp thực hiện có hiệu quả chương trình sau cai nghiện. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu; tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh; thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi bằng bảo hiểm y tế; phối hợp tốt giữa Trung tâm Y tế và cơ quan Bảo hiểm xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe cho người dân.

7. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, tiếp tục thực hiện các giải pháp

hữu hiệu nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội và giảm thiểu tai nạn giao thông. Tiếp tục có biện pháp tích cực, hiệu quả triển khai Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

8. Triển khai và thực hiện Chương trình Cải cách hành chính năm 2006. Sơ kết hoạt động theo cơ chế “Một cửa” tại Ủy ban nhân dân 16 phường. Tiếp tục mở rộng một số lĩnh vực phục vụ của Tổ nghiệp vụ hành chính công, thường xuyên rà soát, bổ sung và công khai các quy trình, thủ tục, hồ sơ hành chính tại bộ phận tiếp nhận - giao trả hồ sơ và trên trang WEB của quận. Định kỳ cấp quận và phường tổ chức khảo sát ý kiến của tổ chức và nhân dân theo đúng quy định. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, cải cách hành chính các phường và phòng ban, theo dõi việc tổ chức Hội nghị nhân dân tổ dân phố của 16 phường. Thành lập và xây dựng quy chế hoạt động của Phòng Y tế. Tiếp tục thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin năm 2006 theo kế hoạch Thành phố giao.

9. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.

### **III. Tổ chức thực hiện:**

1. Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch chỉ đạo điều hành thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2006, phấn đấu với nỗ lực cao nhất để hoàn thành toàn diện kế hoạch năm 2006.

2. Giao cho Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp thực hiện giám sát các hoạt động về kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân quận nhằm kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường và các Đoàn thể nhân dân phối hợp với Hội đồng nhân dân cùng với các cơ quan Nhà nước vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

4. Hội đồng nhân dân quận kêu gọi đồng bào các giới, cán bộ - công chức, lực lượng vũ trang, các ngành, các đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2006.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khóa IX, kỳ họp thứ 9 (từ ngày 5 đến ngày 6 tháng 7 năm 2006) thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005,  
tình hình thực hiện thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2006  
và điều chỉnh bổ sung dự toán ngân sách quận năm 2006**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11**  
**KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về quyết toán ngân sách quận năm 2005, tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2006 và đề nghị điều chỉnh một số khoản chi 6 tháng cuối năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005:**

**1. Về thu ngân sách:**

Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn cả năm (kể cả ghi thu) là 224,945 tỉ đồng đạt 111,13% dự toán năm.

Tổng quyết toán thu ngân sách địa phương (kể cả ghi thu và kết dư năm trước) là 192,183 tỉ đồng. Trong đó:

+ Quyết toán thu ngân sách quận là 178,857 tỉ đồng đạt 176,20% dự toán năm. Nếu không tính số ghi thu và số kết dư năm trước chuyển sang thì quyết toán thu ngân sách quận là 132,139 tỉ đồng đạt 130,17% dự toán năm.



+ Quyết toán thu ngân sách phường là 26,921 tỉ đồng. Nếu không tính thu kết dư năm trước chuyển sang thì quyết toán thu ngân sách phường là 8,220 tỉ đồng, đạt 207,05% dự toán năm.

Tổng quyết toán thu ngân sách địa phương gồm các khoản:

- + Thu phân chia cho ngân sách là 83,176 tỉ đồng.
- + Ghi thu qua ngân sách là 10,042 tỉ đồng.
- + Thu bổ sung từ ngân sách thành phố là 57,184 tỉ đồng.
- + Thu kết dư từ ngân sách năm trước là 41,781 tỉ đồng.

## **2. Về chi ngân sách:**

Quyết toán chi ngân sách quận và phường năm 2005 là 145,772 tỉ đồng.

Trong đó:

Ngân sách quận: 126,066 tỉ đồng.

Ngân sách phường: 19,706 tỉ đồng.

Quyết toán chi ngân sách quận và phường gồm các khoản chi:

- Chi Đầu tư phát triển: 17,565 tỉ đồng, đạt 51% dự toán năm.
- Chi thường xuyên: 113,537 tỉ đồng đạt 107% dự toán và bằng 109% so cùng kỳ.
- Ghi chi qua ngân sách quận: 10,042 tỉ đồng.
- Chi chuyển nguồn qua năm sau: 4,628 tỉ đồng.

## **3. Cân đối thu chi năm 2005:**

Kết dư ngân sách năm quyết toán là: 46,411 tỉ đồng.

Trong đó: - Kết dư ngân sách quận: 39,195 tỉ đồng.

- Kết dư ngân sách phường: 7,216 tỉ đồng.

Trong kết dư ngân sách quận có các khoản chưa chi chuyển tiếp năm sau như:

- Vốn xây dựng cơ bản thành phố phân cấp chuyển tiếp sang năm sau: 5,713 tỉ đồng.
- Chi xây dựng công trình từ nguồn thu quỹ đất công: 6,334 tỉ đồng.
- Chi hỗ trợ di dời ô nhiễm từ ngân sách thành phố chuyển về: 0,766 tỉ đồng.
- Tiền thuê nhà chưa chi sửa chữa nhà: 0,924 tỉ đồng.
- Thu lao động công ích chưa chi sửa chữa công trình: 3,774 tỉ đồng.
- Các khoản sửa chữa, mua sắm chưa chi kịp trong năm: 2,488 tỉ đồng.

- Kinh phí cho công trình sửa chữa hẻm chuyển tiếp: 0,500 tỉ đồng.

**Điều 2.** Ghi nhận báo cáo kết quả tình hình thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2006:

Căn cứ nhiệm vụ thu chi ngân sách năm 2006 được Hội đồng nhân dân quận khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 (ngày 28 tháng 12 năm 2005) và báo cáo của Ủy ban nhân dân quận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân quận khóa IX - kỳ họp thứ 9 ghi nhận.

### **1. Về thu ngân sách:**

Tổng thu ngân sách Nhà nước thực hiện 6 tháng đầu năm 2006 là 128,500 tỉ đồng đạt 50% dự toán năm và bằng 119% so cùng kỳ. Trong đó:

+ Thu ngân sách quận (không tính thu kết dư năm trước chuyển sang) là 58,765 tỉ đồng đạt 57% dự toán năm và bằng 104% so cùng kỳ.

+ Thu ngân sách phường (không tính thu kết dư năm trước chuyển sang) là 12,800 tỉ đồng, đạt 58% dự toán năm và bằng 124% so cùng kỳ.

### **2. Về chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách quận và phường thực hiện 6 tháng đầu năm 2006 là 59,350 tỉ đồng. Cụ thể như sau:

+ Chi ngân sách quận: 48,562 tỉ đồng

Trong đó:

- Chi Đầu tư phát triển: 7,8 tỉ đồng, đạt 37% so dự toán năm và bằng 114% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 36,205 tỉ đồng đạt 45% dự toán và bằng 110% so cùng kỳ.

- Chi bổ sung ngân sách phường: 8,045 tỉ đồng đạt 49% dự toán năm và bằng 133% so cùng kỳ.

+ Chi ngân sách phường: 7,300 tỉ đồng.

**Điều 3.** Nhất trí phê duyệt bổ sung dự toán chi ngân sách quận năm 2006 là: 5,165 tỉ đồng từ nguồn ngân sách thành phố bổ sung và kết dư ngân sách quận năm trước chuyển sang, gồm các khoản sau đây:

+ Chi thường xuyên: 4,785 tỉ đồng.

+ Chi bổ sung ngân sách phường: 0,380 tỉ đồng.

### **Điều 4.**

1. Giao Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện ngân sách năm 2006, đảm bảo quyết toán đúng chính sách và quy định của pháp luật

để Hội đồng nhân dân quận xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2006 tại kỳ họp giữa năm 2007.

2. Ủy ban nhân dân quận căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận về phê duyệt bổ sung dự toán ngân sách năm 2006, giao bổ sung dự toán ngân sách cho từng cơ quan ban ngành, các phường (kèm theo bảng tổng hợp tăng dự toán chi ngân sách quận năm 2006); đồng thời tăng cường kiểm tra, thực hiện nghiêm túc chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và kiên quyết xuất toán những trường hợp chi sai quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 ngày 06 tháng 7 năm 2006 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11**  
**KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ; Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 4595/UB-ĐT ngày 06 tháng 8 năm 2004 và Văn bản số 4668/UBND-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Sau khi nghe và xem báo cáo Tờ trình số 667/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận về kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010; báo cáo thẩm định của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân quận;

Kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX,

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với đánh giá về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2004 và năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận. Hội đồng nhân dân quận nhận thấy trong năm 2004 và 2005 mặc dù có nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân quận đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo thực hiện kế hoạch sử dụng đất và đã có chuyển biến. Việc thu hồi đất các dự án đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo dân chủ, công khai và đúng thẩm quyền. Tuy

nhiên so với yêu cầu và kế hoạch sử dụng đất đã thông qua Hội đồng nhân dân quận và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thì kết quả đạt được vẫn còn thấp.

- Năm 2004 thực hiện được 20/47 danh mục công trình, đạt được 42,55%, về diện tích đạt 36,28%.

- Năm 2005 thực hiện được 3/45 danh mục công trình, đạt được 6,67%, về diện tích đạt 10,81%.

Ủy ban nhân dân quận cần sơ kết rút kinh nghiệm, đề ra các biện pháp tích cực và hiệu quả để tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất các năm sau đạt kết quả cao hơn.

2. Nhất trí với kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 theo Tờ trình số 677/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận gồm 168 danh mục, với tổng diện tích đất thu hồi 123,0620 ha để phục vụ xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, nhà ở, các khu Thương mại - Dịch vụ, đất giao thông, công trình công cộng, bao gồm:

- Đất để xây dựng trường học	: 9,4142 ha
- Đất giao thông	: 26,5500 ha
- Đất xây dựng chung cư	: 4,5507 ha
- Đất để xây dựng trụ sở	: 0,9850 ha
- Đất xây dựng các khu Thương mại - Dịch vụ	: 11,8674 ha
(trong đó có 10,2646 ha Thương mại - Dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng)	
- Đất để xây dựng khu thể dục thể thao	: 30,0000 ha
- Đất xây dựng dịch vụ du lịch	: 36,000 ha
- Đất xây dựng công trình văn hóa	: 2,5195 ha
- Đất xây dựng các công trình y tế	: 1,1752 ha

*(Kèm theo danh mục 168 công trình đăng ký sử dụng đất).*

3. Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 đã được Hội đồng nhân dân quận thông qua lập dự án quy hoạch sử dụng đất đến 2010 định hướng 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

## NGHỊ QUYẾT

Về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Ủy viên thường trực  
Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11 KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử chức danh Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX tại kỳ họp lần thứ 9 ngày 06 tháng 7 năm 2006;

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Công nhận kết quả bầu cử chức danh Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX đối với ông **Trần Phương Tín** (có biên bản bầu cử và lý lịch trích ngang đính kèm).

**Điều 2.** Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân quận khóa IX và thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân quận hoàn tất thủ tục trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để phê chuẩn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho thôi giữ chức vụ Phó Ban Kinh tế - Xã hội**  
**Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11** **KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ các Điều 25, 45, 48, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều động cán bộ đối với ông Châu Văn Hai;

Sau khi nghe đơn xin thôi giữ chức vụ Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX của ông Châu Văn Hai,

### **QUYẾT NGHỊ:**

Chấp thuận cho ông **Châu Văn Hai** được thôi giữ chức vụ Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009 với số phiếu nhất trí 37/39 đại biểu (đạt 94,87% tổng số đại biểu).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11** **KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử chức danh Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX tại kỳ họp lần thứ 9 ngày 6 tháng 7 năm 2006;

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả bầu cử chức danh Phó Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX đối với ông **Nguyễn Tăng Minh** (có biên bản bầu cử và lý lịch trích ngang đính kèm).

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân quận khóa IX và Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân quận hoàn chỉnh các văn bản báo cáo theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế**  
**Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11** **KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ các Điều 25, 45, 48, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2006/HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận 11 về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009;

Sau khi nghe đơn xin thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX của ông Trần Phương Tín,

### **QUYẾT NGHỊ:**

Chấp thuận cho ông **Trần Phương Tín** được thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009 với số phiếu nhất trí 37/39 đại biểu (đạt 94,87% tổng số đại biểu).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2006/NQ-HĐND

*Quận 11, ngày 06 tháng 7 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban Pháp chế  
Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX nhiệm kỳ 2004 - 2009**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 11 KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử chức danh Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX tại kỳ họp lần thứ 9 ngày 06 tháng 7 năm 2006;

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX đối với Bà **Mai Thị Kim Phụng** (có biên bản bầu cử và lý lịch trích ngang đính kèm).

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân quận khóa IX và thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân quận hoàn chỉnh các văn bản báo cáo theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 11 - khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Công Khanh**

**QUẬN BÌNH TÂN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3010/2006/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 07 tháng 7 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 180/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân lâm thời quận Bình Tân****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê để ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Phòng Tư pháp quận tại Công văn số 69/TP ngày 18 tháng 6 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 180/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân lâm thời quận Bình Tân về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động nhà cho thuê để ở trên địa bàn quận Bình Tân, để tổ chức thực hiện theo Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê để ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký. Các văn bản của Ủy ban nhân dân quận, của Ủy ban nhân dân phường có nội dung trái với Quyết định này không có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các Phòng, Ban quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Thuận**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**